

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Hóa An được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ – TTg ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000008, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 6 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1	37.583.430.000	24,86
Các cổ đông khác	113.616.030.000	75,14
Cộng	151.199.460.000	100,00

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (84-61) 3954458 - 3954491

Fax : (84-61) 3954754

Mã số thuế: 3600464464

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: khai thác và chế biến khoáng sản (chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng (chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn vật tư kỹ thuật, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư và kinh doanh hạ tầng, nhà ở, bến bãi, kho tàng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: dịch vụ vận chuyển du lịch;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: xuất nhập khẩu lao động, chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng (không cho thuê lại lao động, chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng.



Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Đinh Lê Chiến	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Lại Duy Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2015
Bà Lê Thị Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012
Bà Ngô Thị Việt Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Quốc Trung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Công Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Đặng Xuân Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Tiến Bảy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2014

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trịnh Tiến Bảy (bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

4981
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
& C
PHỐ

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đình Lê Chiến
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 8 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0722/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

**Kính gửi: QUÍ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần Hóa An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 31 tháng 7 năm 2015, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.735.701.815	97.836.279.867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.594.001.957	21.455.548.750
1. Tiền	111		10.094.001.957	10.455.548.750
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.500.000.000	11.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		29.639.821.222	14.639.778.341
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	14.894.821.222	14.894.778.341
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(255.000.000)	(255.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	15.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.676.543.313	59.753.189.401
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	27.547.782.407	25.653.516.231
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.692.299.944	19.201.984.131
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	4.613.949.729	5.139.161.623
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	16.769.767.710	18.147.413.556
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.947.256.477)	(8.388.886.140)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	668.902.710
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.165.614.258	1.834.516.968
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(1.165.614.258)	(1.165.614.258)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.825.335.323	1.318.860.665
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	377.805.113	551.834.605
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3.447.530.210	767.026.060
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

9944
 :ÔN
 4 NH
 TOÁN
 A 8
 H-T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.259.864.933	233.979.584.293
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.131.450.727	9.328.817.727
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	2.650.000.000	2.800.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.481.450.727	6.528.817.727
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		125.989.245.773	145.594.724.349
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	32.972.466.335	34.360.788.719
- Nguyên giá	222		79.229.453.284	82.935.032.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.256.986.949)	(48.574.243.994)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	93.016.779.438	111.233.935.630
- Nguyên giá	228		120.653.957.487	141.416.214.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.637.178.049)	(30.182.278.834)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.799.179.939	15.295.494.121
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	13.799.179.939	15.295.494.121
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		35.766.726.385	35.766.769.266
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	8.459.840.000	8.459.840.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	36.145.999.900	36.146.042.781
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(8.839.113.515)	(8.839.113.515)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.573.262.109	27.993.778.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	28.554.162.109	27.974.678.830
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		19.100.000	19.100.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		339.995.566.748	331.815.864.160

987,
G T'
M HỮU
VÀ T
C
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.650.871.599	19.553.172.601
I. Nợ ngắn hạn	310		16.515.192.262	16.924.362.114
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.812.450.579	2.705.065.727
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.853.544.562	1.265.608.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.505.839.127	6.505.261.088
4. Phải trả người lao động	314	V.16	2.540.847.462	3.972.999.633
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	205.406.539	1.326.616.690
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.420.346.399	1.148.810.902
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19a	268.807.594	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	907.950.000	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.135.679.337	2.628.810.487
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19b	2.135.679.337	2.628.810.487
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		321.344.695.149	312.262.691.559
I. Vốn chủ sở hữu	410		321.344.695.149	312.262.691.559
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	151.199.460.000	151.199.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	58.398.416.000	58.398.416.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	(1.298.220.000)	(1.298.220.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	88.795.293.116	88.795.293.116
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	24.249.746.033	15.167.742.443
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	15.167.742.443
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		24.249.746.033	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		339.995.566.748	331.815.864.160

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2015



Trần Sỹ Phúc
Người lập biểu



Lê Thị Quyết
Kế toán trưởng



Trịnh Tiến Bầy
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	88.880.717.749	82.844.764.234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.880.717.749	82.844.764.234
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	63.650.888.697	70.890.005.792
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.229.829.052	11.954.758.442
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.068.126.427	1.026.945.399
7. Chi phí tài chính	22		142.283	654.289.712
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	704.147.429
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	161.597.959	211.377.876
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.498.090.185	5.022.687.027
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.638.125.052	7.093.349.226
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		22.000.000	160.290.328
13. Lợi nhuận khác	40		(22.000.000)	(160.290.328)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.616.125.052	6.933.058.898
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6.366.379.019	1.473.246.770
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>24.249.746.033</u>	<u>5.459.812.128</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>1.610</u>	<u>363</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	<u>1.610</u>	<u>363</u>

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2015


Trần Sỹ Phúc
Người lập biểu

Lê Thị Quyết
Kế toán trưởng

Trịnh Tiến Bảy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.249.746.033	6.933.058.898
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,V.11	6.010.342.447	6.222.187.662
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(441.629.663)	383.324.393
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(9.993.881.459)	(951.844.600)
- Chi phí lãi vay	06		-	704.147.429
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.824.577.359	13.290.873.782
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.064.662.727	(4.435.402.524)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		668.902.710	3.867.709.745
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(396.515.470)	1.852.628.746
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.654.926.397)	(238.078.901)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	1.075.809.400
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(704.147.429)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(4.024.721.009)	(572.440.721)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.883.160.011)	(1.133.844.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.598.819.909	13.203.108.098
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,V.12	(4.660.373.182)	(331.897.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(15.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	525.211.894	118.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		38.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.723.871.386	725.838.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.588.710.098	511.940.400

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	44.856.526.423
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(51.324.177.678)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21d	(12.049.076.800)	(7.531.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>(12.049.076.800)</u>	<u>(13.998.651.255)</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		21.138.453.207	(283.602.757)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	21.455.548.750	14.070.180.453
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	V.1	<u>42.594.001.957</u>	<u>13.786.577.696</u>

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2015

Nguyễn Sỹ Phúc
Người lập biểu

Lê Thị Quyết
Kế toán trưởng



Trịnh Tiến Bảy
Tổng Giám đốc

4987
IG T
EM H
V V A T
& C
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Hóa An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh Công ty là sản xuất các loại đá xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty đã góp vốn bằng tài sản là toàn bộ tài sản hiện có của Chi nhánh Thường Tân với giá trị sổ sách là 29.589.989.927 VND để thành lập Công ty con – Công ty TNHH một thành viên Hóa An Tân Uyên. Sau đó, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty con theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/HĐCN ngày 30 tháng 3 năm 2015 với giá chuyển nhượng là 38.000.000.000 VND. Giao dịch này được Hội đồng quản trị thông qua tại Biên bản họp Hội đồng quản trị không số ngày 23 tháng 3 năm 2015.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 142 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 159 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là các chi phí phát sinh bóc đất tầng phủ, chi phí cho việc mở rộng các mỏ đá và các chi phí khác được phân bổ căn cứ theo thời hạn sử dụng ước tính.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

987
GT
MHU
VAT
C
HO

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Chi phí khảo sát mỏ đá Suối Trầu

Chi phí khảo sát mỏ đá Suối Trầu bao gồm các chi phí đền bù giải tỏa, giải phóng mặt bằng tại mỏ đá Suối Trầu. Công ty không tiến hành trích khấu hao đối với phần chi phí này vì toàn bộ đất đai và các tài sản khác liên quan đến mỏ đá Suối Trầu đang nằm trong quy hoạch chờ giải tỏa và sẽ nhận đền bù theo dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

5-C.T.1
Y
NHẬN
VẤN
CHỈ MẸP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có phí phục hồi môi trường. Chi phí này được trích hàng năm dựa trên sản lượng tính thuế tài nguyên.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	503.862.276	167.161.578
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.590.139.681	10.288.387.172
Các khoản tương đương tiền (*)	32.500.000.000	11.000.000.000
Cộng	<u>42.594.001.957</u>	<u>21.455.548.750</u>

(*) Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	14.894.821.222	14.639.821.222	(255.000.000)	14.894.778.341	14.639.778.341	(255.000.000)
Công ty cổ phần xây dựng trang trí kiến trúc ADC	11.131.736.000	11.131.736.000	-	11.131.736.000	11.131.736.000	-
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp	3.252.000.000	3.252.000.000	-	3.252.000.000	3.252.000.000	-
Các cổ phiếu khác	511.085.222	256.085.222	(255.000.000)	511.085.222	256.085.222	(255.000.000)
Cộng	14.894.821.222	14.639.821.222	(255.000.000)	14.894.778.341	14.639.778.341	(255.000.000)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.459.840.000	(8.459.840.000)	-	8.459.840.000	(8.459.840.000)	-
Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Tân Định Fico ⁽¹⁾	8.459.840.000	(8.459.840.000)	-	8.459.840.000	(8.459.840.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36.145.999.900	(379.273.515)	35.766.726.385	36.146.042.781	(379.273.515)	35.766.769.266
Công ty cổ phần địa ốc Chợ Lớn (RCL)	-	-	-	42.881	-	42.881
Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh	33.999.999.900	-	33.999.999.900	33.999.999.900	-	33.999.999.900
Công ty cổ phần du lịch Phú Yên	2.146.000.000	(379.273.515)	1.766.726.485	2.146.000.000	(379.273.515)	1.766.726.485
Cộng	44.605.839.900	(8.839.113.515)	35.766.726.385	44.605.882.781	(8.839.113.515)	35.766.769.266

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Tân Định Fico đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Vũ Phong	5.231.931.758	4.748.542.344
Công ty TNHH Lợi Lộc	2.509.356.360	1.445.929.302
Ông Lê Tiến Bộ (Chi nhánh Tân Cang 3)	8.870.051.760	5.612.790.050

Y
U H A N
U V A N
C H I M

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Tiết Ngọc Hòa (Chi nhánh Tân Cang 3)	3.237.195.778	3.100.363.828
Các khách hàng khác	7.699.246.751	10.745.890.707
Cộng	<u>27.547.782.407</u>	<u>25.653.516.231</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>11.692.299.944</i>	<i>19.201.984.131</i>
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Vũ Phong	4.893.406.065	5.911.732.010
Doanh nghiệp tư nhân Xuân Chiến	1.872.797.453	2.593.151.249
Công ty TNHH một thành viên địa chất xây dựng Minh Thái	1.402.000.000	1.177.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.524.096.426	9.520.100.872
Cộng	<u>11.692.299.944</u>	<u>19.201.984.131</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các cá nhân khác</i>		
Cho Ông Nguyễn Mạnh Cường vay với lãi suất 01%/tháng	1.950.000.000	1.950.000.000
Cho Bà Trần Kim Thi vay với lãi suất 01%/tháng	611.056.623	611.056.623
Cho Bà Lê Thị Liên vay với lãi suất 01%/tháng	900.000.000	900.000.000
Cho các cá nhân khác vay	1.152.893.106	1.678.105.000
Cộng	<u>4.613.949.729</u>	<u>5.139.161.623</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH một thành viên đá Thanh Phú vay với lãi suất 01%/tháng, thời hạn vay 06 năm. Trong kỳ, bên đi vay đã thanh toán tiền gốc vay bằng căn trừ công nợ với số tiền 150.000.000 VND.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.901.156.532</i>	<i>-</i>	<i>5.545.391.532</i>	<i>-</i>
Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 – tiền lãi cho vay	-	-	644.235.000	-
Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 – tiền xử lý khoản lỗ tại xí nghiệp đá Thống Nhất	4.901.156.532	-	4.901.156.532	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.868.611.178</i>	<i>-</i>	<i>12.602.022.024</i>	<i>-</i>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	1.399.873.925	-	1.456.173.925	-
Tiền lãi của các khoản cho cá nhân, tổ chức vay	4.502.439.445	-	5.167.185.828	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	3.548.708.391		5.070.757.116	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.417.589.417		907.905.155	
Cộng	16.769.767.710	-	18.147.413.556	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ phục hồi môi trường.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Ông Nguyễn Mạnh Cường		2.666.400.000	-		2.669.550.000	-
<i>Phải thu tiền cho vay</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>1.950.000.000</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>1.950.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>716.400.000</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>719.550.000</i>	<i>-</i>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		5.296.086.631	-	<i>Trên 03 năm</i>	5.719.336.140	-
Cộng		7.962.486.631	-		8.388.886.140	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	(8.388.886.140)
Hoàn nhập dự phòng	441.629.663
Số cuối kỳ	(7.947.256.477)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.165.614.258	1.165.614.258	1.165.614.258	1.165.614.258
Thành phẩm	-	-	668.902.710	-
Cộng	1.165.614.258	1.165.614.258	1.834.516.968	1.165.614.258

Giá trị nguyên vật liệu tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng sử dụng cuối kỳ là 1.165.614.258 VND (số đầu năm là 1.165.614.258 VND).

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bóc đất tầng phủ	133.493.750	307.834.908
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	244.311.363	243.999.697
Cộng	377.805.113	551.834.605



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bốc đất tăng phủ	23.365.322.667	20.055.455.592
Chi phí làm đường vào mỏ	3.337.479.587	3.786.101.880
Chi phí thiết kế khảo sát	660.511.367	1.338.674.358
Chi phí thăm dò độ sâu	1.190.848.488	2.690.856.062
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	103.590.938
Cộng	<u>28.554.162.109</u>	<u>27.974.678.830</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	34.120.362.780	44.923.019.694	3.683.786.559	207.863.680	82.935.032.713
Mua trong kỳ	-	4.566.191.364			4.566.191.364
Góp vốn thành lập Công ty con	(5.490.957.190)	(2.780.813.603)			(8.271.770.793)
Số cuối kỳ	<u>28.629.405.590</u>	<u>46.708.397.455</u>	<u>3.683.786.559</u>	<u>207.863.680</u>	<u>79.229.453.284</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	227.758.498	8.699.601.867	1.360.472.143	207.863.680	10.495.696.188
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	14.503.403.393	30.541.003.150	3.321.973.771	207.863.680	48.574.243.994
Khấu hao trong kỳ	1.326.073.185	1.173.449.386	193.609.536	-	2.693.132.107
Góp vốn thành lập Công ty con	(3.170.309.198)	(1.840.079.955)	-	-	(5.010.389.152)
Số cuối kỳ	<u>12.659.167.380</u>	<u>29.874.372.581</u>	<u>3.515.583.307</u>	<u>207.863.680</u>	<u>46.256.986.949</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	19.616.959.387	14.382.016.544	361.812.788	-	34.360.788.719
Số cuối kỳ	<u>15.970.238.210</u>	<u>16.834.024.874</u>	<u>168.203.252</u>	<u>-</u>	<u>32.972.466.335</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chi phí khảo sát mỏ đá sông Trầu</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	137.741.881.899	3.674.332.565	141.416.214.464
Góp vốn thành lập Công ty con	(20.762.256.977)	-	(20.762.256.977)
Số cuối kỳ	<u>116.979.624.922</u>	<u>3.674.332.565</u>	<u>120.653.957.487</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	27.951.697.556	2.230.581.278	30.182.278.834

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chi phí khảo sát mỏ đá sông Trà</u>	<u>Cộng</u>
Khấu hao trong kỳ	3.317.210.340	-	3.317.210.340
Góp vốn thành lập Công ty con	(5.862.311.125)	-	(5.862.311.125)
Số cuối kỳ	25.406.596.771	2.230.581.278	27.637.178.049
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	109.790.184.343	1.443.751.287	111.233.935.630
Số cuối năm/kỳ	91.573.028.151	1.443.751.287	93.016.779.438
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Góp vốn thành lập Công ty con</u>	<u>Thanh lý, nhượng bán</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xí nghiệp 1	4.583.089.853	94.181.818	-	-	4.677.271.671
Mỏ đá Núi Gió	585.842.268	-	-	-	585.842.268
Mỏ đá Thường Tân	1.390.562.000	-	(1.005.546.836)	(385.015.164)	-
Mỏ đá Tân Cang 3	8.736.000.000	-	-	(199.934.000)	8.536.066.000
Cộng	15.295.494.121	94.181.818	(1.005.546.836)	(584.949.164)	13.799.179.939

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Chi nhánh hoá chất mỏ	427.697.328	499.103.416
Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hồ Chí Minh tại Bình Dương	277.270.900	480.167.401
Công ty TNHH một thành viên Lâm Quân	432.244.880	171.301.277
Công ty TNHH Đại Thăng Long	455.313.447	472.997.248
Công ty TNHH Lộc Thiên Sơn	440.079.623	361.012.548
Các nhà cung cấp khác	779.844.401	720.483.837
Cộng	2.812.450.579	2.705.065.727

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Lợi Lộc	1.445.633.459	108.730.040
Các khách hàng khác	407.911.103	1.156.878.034
Cộng	1.853.544.562	1.265.608.074

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	770.233.340	-	3.221.622.968	(3.391.221.396)	600.634.912	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.492.241.816	-	6.366.379.019	(4.024.721.009)	3.833.899.826	-
Thuế thu nhập cá nhân	43.862.686	-	524.306.228	(527.199.309)	40.969.605	-
Thuế tài nguyên	793.257.869	-	3.926.110.129	(4.189.321.231)	530.046.767	-
Tiền thuế đất	-	(767.026.060)	114.688.143	(43.570.313)	125.187.742	(821.095.972)
Thuế bảo vệ môi trường	525.584.298	-	2.458.545.014	(2.536.896.274)	447.233.038	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	2.880.081.078	-	2.183.887.080	(6.762.535.159)	927.867.237	(2.626.434.238)
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
Cộng	6.505.261.088	(767.026.060)	18.801.845.581	(21.482.464.691)	6.505.839.127	(3.447.530.210)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.616.125.052	6.933.058.898
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	22.000.000	160.290.328
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	30.638.125.052	6.696.576.226
Thu nhập được miễn thuế	(1.700.038.600)	(396.773.000)
Thu nhập tính thuế	28.938.086.452	6.696.576.226
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.366.379.019	1.473.246.770

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá với mức 7%.

Thuế tài nguyên được xác định như sau:

- Chi nhánh Núi Gió: Thuế tài nguyên = sản lượng khai thác x đơn giá x thuế suất. Đơn giá được xác định theo quyết định số 04/2011/QĐ/UBND ngày 24/1/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Các chi nhánh Vĩnh Cửu và Tân Cang 3: Thuế tài nguyên = sản lượng khai thác x đơn giá x thuế suất. Đơn giá được xác định theo quyết định số 65/2011/QĐ/UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 18/11/2011 và sản lượng khai thác được quy đổi từ đơn vị tính là tấn sang m³ theo hệ số quy đổi mà Công ty tự xác định.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá được trích lập và nộp theo Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ về Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (xem thuyết minh VII.7).

Trong kỳ, Công ty nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2014 theo thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho 02 mỏ đá tại Đồng Nai là mỏ đá Tân Cang 3 và mỏ đá Vĩnh Cửu và nộp theo quyết định của Cục thuế tỉnh Bình Phước cho mỏ đá Núi Gió (tại đây tổng phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chia thành 7 năm thanh toán, bắt đầu từ năm 2014).

Vì sự khác nhau giữa số phát sinh phải nộp và số trích lập dẫn đến phí cấp quyền khai thác khoáng sản có số dư phải thu.

Tiền thuê đất

Công ty nộp theo qui định tại các hợp đồng thuê đất.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư ngày 16 tháng 10 năm 2000 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được miễn tiền thuê đất 13 năm kể từ khi ký kết hợp đồng thuê đất (ngày 18 tháng 01 năm 2008) đối với diện tích đất thuê để thực hiện dự án đầu tư khai thác và sản xuất đá xây dựng công suất 250.000 m³/ năm tại mỏ đá Núi Gió, tại xã Tân Lợi, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Theo thông báo nộp tiền thuê đất số 712/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 16 tháng 10 năm 2014 thì Công ty được khấu trừ bồi thường số tiền do nhận chuyển nhượng của hộ gia đình cá nhân vào tiền thuê đất tại mỏ đá Tân Cang 3, thời gian được khấu trừ tiền thuê đất là 43 năm bắt đầu từ năm 2015.

Theo thông báo nộp tiền thuê đất số 711/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 16 tháng 10 năm 2014 thì Công ty được khấu trừ bồi thường số tiền do nhận chuyển nhượng của hộ gia đình cá nhân vào tiền thuê đất tại mỏ đá Thạnh Phú 2, thời gian được khấu trừ tiền thuê đất là 16 năm bắt đầu từ năm 2015.

Phí bảo vệ môi trường

Phí bảo vệ môi trường được trích và nộp theo Nghị định 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. **Phải trả người lao động**
Quỹ tiền lương còn phải trả cho người lao động.

17. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>205.406.539</i>	<i>1.326.616.690</i>
Chi phí bồi dưỡng độc hại	22.780.000	-
Tiền điện	50.049.379	-
Chi phí khai thác đá	-	668.902.710
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	132.577.160	657.713.980
Cộng	<u>205.406.539</u>	<u>1.326.616.690</u>

18. **Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.420.346.399</i>	<i>1.148.810.902</i>
Quỹ đào tạo lại người lao động chưa chi	158.506.375	158.506.375
Quỹ Hội đồng quản trị (*)	2.000.154	-
Kinh phí công đoàn	34.061.390	148.120
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	221.051.247	138.312.696
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	350.000.000	350.000.000
Quỹ phúc lợi xã hội (*)	543.913.833	44.403.038
Cổ tức phải trả	60.813.400	60.707.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	50.000.000	396.733.673
Cộng	<u>1.420.346.399</u>	<u>1.148.810.902</u>

(*) Các quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (xem thuyết minh V.19c).

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. **Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**

19a. **Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến phí phục hồi môi trường tại mỏ đá xí nghiệp 1. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	-
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	597.577.594
Số sử dụng	<u>(328.770.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>268.807.594</u>

19b. **Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến phí phục hồi môi trường tại chi nhánh Tân Cang 3 và chi nhánh Vĩnh Cửu. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.628.810.487
Tăng do trích lập	188.500.300
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(597.577.594)
Giảm do chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV Hóa An Tân Uyên	<u>(84.053.856)</u>
Số cuối kỳ	<u>2.135.679.337</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	(219.750.000)	2.000.000.000	(872.300.000)	907.950.000
Quỹ phúc lợi	(1.236.423.925)	-	(163.450.000)	(1.399.873.925)
Cộng	(1.456.173.925)	2.000.000.000	(1.035.750.000)	(491.923.925)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.6).

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	8.436.569.647	305.531.518.763
Lợi nhuận trong kỳ					5.459.812.128	5.459.812.128
Trích lập các quỹ trong kỳ					(905.569.647)	(905.569.647)
Chia cổ tức					(7.531.000.000)	(7.531.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	5.459.812.128	302.554.761.244
Số dư đầu năm nay	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	15.167.742.443	312.262.691.559
Lợi nhuận trong kỳ					24.249.746.033	24.249.746.033
Trích lập các quỹ trong kỳ					(3.118.665.643)	(3.118.665.643)
Chia cổ tức					(12.049.076.800)	(12.049.076.800)
Số dư cuối kỳ này	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	24.249.746.033	321.344.695.149

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1	37.583.430.000	37.583.430.000
Các cổ đông khác	113.616.030.000	113.616.030.000
Cộng	151.199.460.000	151.199.460.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.119.946	15.119.946
- Cổ phiếu phổ thông	15.119.946	15.119.946
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(58.600)	(58.600)
- Cổ phiếu phổ thông	(58.600)	(58.600)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.061.346	15.061.346
- Cổ phiếu phổ thông	15.061.346	15.061.346
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

104
ÔN
NH
TOÁN
A
4-T

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 05/NQĐH-CtyCPHA ngày 18 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 12.049.076.800
• Trích quỹ khen thưởng	: 2.000.000.000
• Trích quỹ phúc lợi xã hội	: 695.310.795
• Trích thù lao Hội đồng quản trị và thù lao Ban kiểm soát	: 423.354.849

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	88.696.899.567	82.647.309.687
Doanh thu cung cấp dịch vụ	183.818.182	197.454.547
Cộng	88.880.717.749	82.844.764.234

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	74.244.968	75.100.799
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	763.410.786	-
Lãi tiền cho vay	260.422.000	217.261.000
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	337.810.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.700.038.600	396.773.000
Lãi chuyển nhượng vốn góp	7.270.010.073	-
Cộng	10.068.126.427	1.026.945.399

4. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.070.457	208.587.876
Các chi phí khác	111.527.502	2.790.000
Cộng	161.597.959	211.377.876

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.242.037.316	1.633.978.535
Chi phí vật liệu quản lý	10.327.000	10.897.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	231.365.329	151.752.125
Thuế, phí và lệ phí	106.053.369	123.602.270
Chi phí dự phòng	-	433.324.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.287.836	911.477.572
Các chi phí khác	1.885.019.335	1.757.655.132
Cộng	4.498.090.185	5.022.687.027

6. Lãi trên cổ phiếu**6a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.249.746.033	5.459.812.128
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	24.249.746.033	5.459.812.128
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.061.346	15.061.346
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.610	363

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.488.233.738	7.791.340.356
Chi phí nhân công	7.778.263.221	7.823.953.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.010.342.447	6.222.187.662
Chi phí dự phòng	-	433.324.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.288.874.760	43.955.449.222
Chi phí khác	12.744.862.675	9.897.815.500
Cộng	68.310.576.841	76.124.070.695

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	252.082.000	337.700.000
Phụ cấp	131.898.236	335.929.400
Cộng	<u>383.980.236</u>	<u>673.629.400</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 - cổ đông chiếm 24,86% vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết cũng như các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết ngoài Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 - cổ đông chiếm 24,86% vốn điều lệ. Giao dịch phát sinh với Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi cho vay	644.235.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.5.

Công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác đá.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam (khu vực Miền Đông Nam bộ).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>					
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	16.522.003.341	(1.882.225.000)	14.639.778.341	(i)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	5.139.161.623	5.139.161.623	(i)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.131.949.517)	(3.256.936.623)	(8.388.886.140)	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.076.656.440	5.070.757.116	18.147.413.556	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	5.070.757.116	(5.070.757.116)	-	(ii)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	38.566.769.266	(2.800.000.000)	35.766.769.266	(iii)
Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	2.800.000.000	2.800.000.000	(iii)
Phải thu dài hạn khác	216	-	6.528.817.727	6.528.817.727	(iv)
Tài sản dài hạn khác	268	6.528.817.727	(6.509.717.727)	19.100.000	(iv)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.955.427.177	(2.628.810.487)	1.326.616.690	(v)
Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	2.628.810.487	2.628.810.487	(v)

- (i) Các khoản cho vay ngắn hạn và dự phòng các khoản cho vay ngắn hạn khó đòi được trình bày ở chỉ tiêu “Phải thu về cho vay ngắn hạn” (mã số 135) và “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” (mã số 137) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.
- (ii) Các khoản tạm ứng được trình bày ở chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.
- (iii) Khoản cho vay dài hạn được trình bày ở chỉ tiêu “Phải thu về cho vay dài hạn” (mã số 215) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.
- (iv) Các khoản ký quỹ dài hạn được trình bày ở chỉ tiêu “Phải thu dài hạn khác” (mã số 216) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.
- (v) Khoản trích trước chi phí phục hồi môi trường được Công ty phân loại lại thành dài hạn và được trình bày ở chỉ tiêu “Dự phòng phải trả dài hạn” theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các cá nhân là nhân viên của Công ty và các nhà cung cấp vay tiền.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.594.001.957	-	-	-	42.594.001.957
Chứng khoán kinh doanh	14.894.821.222	-	-	-	14.894.821.222
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Phải thu khách hàng	25.083.452.229	-	-	2.464.330.178	27.547.782.407
Các khoản cho vay	3.995.483.106	-	-	3.268.466.623	7.263.949.729
Các khoản phải thu khác	12.690.735.952	-	-	2.067.618.698	14.758.354.650
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	33.489.999.900	-	-	2.656.000.000	36.145.999.900
Cộng	147.768.744.366	-	-	10.436.165.499	158.204.909.865

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.455.548.750	-	-	-	21.455.548.750
Chứng khoán kinh doanh	14.894.778.341	-	-	-	14.894.778.341
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	23.177.114.874	-	-	2.476.401.357	25.653.516.231
Các khoản cho vay	4.668.985.000	-	-	3.270.176.623	7.939.161.623
Các khoản phải thu khác	14.962.808.509	-	-	2.638.353.518	17.601.162.027
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	33.490.042.781	-	-	2.656.000.000	36.146.042.781
Cộng	112.649.278.255	-	-	11.040.931.498	123.690.209.753

4b. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	2.812.450.579	-	-	2.812.450.579
Các khoản phải trả khác	935.027.533	-	2.135.679.337	3.070.706.870
Cộng	3.747.478.112	-	2.135.679.337	5.883.157.449
Số đầu năm				
Phải trả người bán	2.705.065.727	-	-	2.705.065.727
Các khoản phải trả khác	2.134.057.363	-	2.628.810.487	4.762.867.850
Cộng	4.839.123.090	-	2.628.810.487	7.467.933.577

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro về giá chứng khoán.

198
IG 1
EMH
VVA
& I
PHC

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.594.001.957	21.455.548.750	42.594.001.957	21.455.548.750
Chứng khoán kinh doanh	14.894.821.222	14.894.778.341	14.639.821.222	14.639.778.341
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	27.547.782.407	25.653.516.231	25.087.152.382	23.170.815.027
Các khoản cho vay	7.263.949.729	7.939.161.623	4.007.013.106	4.682.225.000
Các khoản phải thu khác	14.758.354.650	17.601.162.027	12.690.735.952	15.147.756.330
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	36.145.999.900	36.146.042.781	35.766.726.385	35.766.769.266
Cộng	158.204.909.865	123.690.209.753	149.785.451.004	114.862.892.714
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	2.812.450.579	2.705.065.727	2.812.450.579	2.705.065.727
Các khoản phải trả khác	3.070.706.870	4.762.867.850	3.070.706.870	4.762.867.850
Cộng	5.883.157.449	7.467.933.577	5.883.157.449	7.467.933.577

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Thông tin khác

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ngày 23 tháng 7 năm 2014 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã có Công văn số 2679/STNMT-KS về việc hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. Theo đó, các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản tạm thời chưa phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Yêu cầu doanh nghiệp hoạt động khoáng sản phải nộp bổ sung hồ sơ chứng minh phần trữ lượng đã khai thác trong thời gian này.

Do vậy, Công ty tạm thời chưa ghi nhận nghĩa vụ đối với khoản phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2015



Trần Sỹ Phúc
Người lập biểu



Lê Thị Quyết
Kế toán trưởng



Trịnh Tiến Bảy
Tổng Giám đốc